

Chuyên đề 20

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA - GIÁO DỤC - Y TẾ

I. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA

1. Phát triển văn hóa và yêu cầu quản lý nhà nước về văn hóa

a) *Khái niệm văn hóa*

Khái niệm văn hóa có rất nhiều cách hiểu khác nhau. Có người cho rằng, văn hóa là sự hiểu biết. Sự hiểu biết được đo bằng trình độ học vấn. Kinh nghiệm, kiến thức tích lũy được trong quá trình lao động sản xuất và đấu tranh của mỗi cộng đồng cũng thuộc phạm vi của sự hiểu biết.

Một số ý kiến khác thì cho rằng, chỉ riêng sự hiểu biết không thôi chưa tạo thành văn hóa. Chỉ trở thành văn hóa khi sự hiểu biết được sử dụng làm định hướng cho lối sống, đạo lý, tâm hồn, hành động của mỗi dân tộc và các thành viên trong xã hội vươn tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với môi trường xã hội và tự nhiên.

Có ý kiến cho rằng, bản chất đích thực của văn hóa là nội dung làm cho con người phát triển gắn chặt với sự sáng tạo. Với cách hiểu này, văn hóa là tổng hòa của nhiều yếu tố, trong đó văn hóa luôn gắn với phát triển, không đứng ngoài sự phát triển.

Trong văn hóa, hệ tư tưởng luôn đóng vai trò quyết định và là "hạt nhân" của văn hóa. Hệ tư tưởng quy định kiểu, loại của văn hóa, phân biệt văn hóa của chế độ xã hội này với văn hóa của chế độ khác, của giai cấp này với giai cấp khác.

Cùng với quá trình phát triển, văn hóa ngày càng có nội dung phong phú. Vì thế có nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa với nội dung rộng, hẹp khác nhau về văn hóa, như:

Văn hóa hiểu theo nghĩa rộng, là trình độ phát triển vật chất và tinh thần của một cộng đồng hay một cá nhân.

Văn hóa hiểu theo nội dung, bao gồm các sản phẩm vật chất của khoa học, giáo dục, tôn giáo, đạo đức... Văn hóa đặt trong phạm vi nếp sống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng...

b) *Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa*

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa ở nước ta bao gồm các nội dung sau đây:

- Cõi văn hóa là động lực quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

- Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo văn hóa, vun đắp các tài năng, đồng thời đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng, dân tộc.

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nâng cao tính chiến đấu của các hoạt động văn hóa, khẳng định mạnh mẽ những nhân tố mới, những giá trị cao đẹp của dân tộc ta, phê phán cái sai, lên án cái xấu, cái ác để hướng con người tới cái đúng, cái tốt đẹp, đấu tranh không khoan nhượng chống lại văn hóa độc hại của các thế lực thù địch.

- Văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ tri thức giữ vai trò quan trọng.

- Thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa, gắn liền với việc khắc phục tình trạng hành chính hóa các tổ chức văn hóa và xu hướng thương mại hóa trong hoạt động văn hóa.

Trong các quan điểm trên, quan điểm xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc chính là gắn con người hiện đại với cội nguồn dân tộc, hiểu biết tôn trọng và giữ vững cốt cách tâm hồn dân tộc trong xu thế hội nhập khu vực và thế giới. Quan điểm này là cơ sở quan trọng để định hướng chiến lược cho các chính sách về văn hóa. Quan điểm cơ bản này được thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Phát triển nền văn hóa tiên tiến là nền văn hóa phù hợp với tiến trình phát triển lịch sử, thúc đẩy sự phát triển của lịch sử, là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và là mục tiêu của CNXH. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến là sự kết hợp giữa hiện đại và truyền thống cả về hình thức và nội dung, nền văn hóa đó phải bảo tồn và phát huy được các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa các dân tộc trong cộng đồng người Việt Nam.

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là xây dựng nền văn hóa mà sự phát triển dân trí, sự phát triển của khoa học xã hội, khoa học nhân văn, khoa học tự nhiên và kỹ thuật gắn liền với việc phát huy truyền thống dân tộc trong thời đại mới. Ngăn chặn và đấu tranh chống lại sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại, bảo vệ nền văn hóa dân tộc.

Ngày 06/5/2009 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 581/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020. Chiến lược này nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa, xác lập những mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu; là cơ sở hoạch định quy hoạch, kế hoạch để từng bước thực hiện việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Trong đó có 5 mục tiêu:

- Hướng mọi hoạt động văn hóa vào việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo; gắn kết mối quan hệ giữa văn hóa và xây dựng môi trường văn hóa với vấn đề hình thành nhân cách.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hoá dân tộc, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc, bắt kịp sự phát triển của thời đại.

- Giải phóng mạnh mẽ năng lực và tiềm năng sáng tạo của mọi người, phát huy cao độ tính sáng tạo của trí thức, văn nghệ sĩ; đào tạo tài năng văn hóa nghệ thuật; tạo cơ chế, chính sách và cơ sở vật chất để có nhiều sản phẩm văn hóa nghệ thuật chất lượng cao xứng tầm với dân tộc và thời đại.

- Tạo mọi điều kiện nâng cao mức hưởng thụ và tham gia hoạt động sáng tạo văn hóa của nhân dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, huy động mọi nguồn lực cho phát triển văn hóa

c) Yêu cầu quản lý nhà nước về văn hóa

Nhà nước là người đại diện cho nhân dân bảo đảm các quyền của công dân có trong Hiến pháp về văn hóa, đáp ứng và thỏa mãn các nhu cầu về văn hóa của mỗi người và của toàn xã hội. Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, vai trò của Nhà nước ngày càng tăng trong việc định hướng, điều tiết và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các yếu tố của văn hóa. Để làm được điều đó cần phải đáp ứng những yêu cầu sau đây của quản lý nhà nước về văn hóa:

- Quản lý nhà nước về văn hóa và công tác tư tưởng phải gắn liền với quyền lực nhà nước. Hơn bất cứ lĩnh vực nào, văn hóa là lĩnh vực yêu cầu có sự lãnh đạo và quản lý của Nhà nước.

- Tăng cường trách nhiệm của Nhà nước trong việc quản lý những công trình văn hóa, những cơ sở phục vụ nhu cầu văn hóa của nhân dân. Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa phát triển, đồng thời có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư để phát triển văn hóa, xã hội hóa các hoạt động văn hóa văn nghệ.

- Đảm bảo mọi người dân đều có quyền được hưởng thụ văn hóa và có nghĩa vụ đóng góp để bảo vệ, phát triển văn hóa dân tộc. Trong quản lý nhà nước về văn hóa, cần khuyến khích các hình thức tự quản của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng, hiệp hội nghề nghiệp tham gia.

- Văn hóa Việt Nam là văn hóa đa dân tộc, đa sắc tộc, vì vậy cần có các cơ chế đặc thù trong quản lý văn hóa của các dân tộc thiểu số.

- Kết hợp thống nhất hiệu quả kinh tế và hiệu quả chính trị - xã hội trong các hoạt động văn hóa.

2. Một số nội dung chủ yếu quản lý nhà nước về văn hóa

a) Xây dựng thể chế

Để quản lý tốt hoạt động văn hóa trong quá trình xã hội hóa văn hóa, Nhà nước phải chú trọng xây dựng thể chế về quản lý văn hóa; Hoàn chỉnh hệ thống các văn bản pháp luật và cơ chế, chính sách về văn hóa, nghệ thuật một cách toàn diện, đồng bộ trên mọi lĩnh vực của đời sống văn hóa phù hợp với đường lối của Đảng, Nhà nước và pháp luật Việt Nam. Thể chế quản lý văn hóa phải đảm bảo các chuẩn mực về luật pháp và chuẩn mực về phong tục, tập quán dân tộc

Đại hội Đảng lần thứ XI nhấn mạnh “Hoàn thiện hệ thống chính sách, kết hợp chặt chẽ các mục tiêu, chính sách kinh tế với các mục tiêu, chính sách xã hội; thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững”.

Để tạo điều kiện cho văn hóa phát triển, Nhà nước ta đã ban hành nhiều luật, văn bản luật về tổ chức bộ máy quản lý về văn hóa; luật về bảo vệ các di sản văn hóa; luật về bảo hộ quyền tác giả... Đối với các hoạt động liên quan đến xuất bản, báo chí, quảng cáo, internet... Nhà nước đã ban hành Luật Xuất bản, Luật Báo chí, Nghị định của Chính phủ đối với quảng cáo, đối với Internet...

Các hoạt động văn hóa cần được quản lý trên cơ sở luật và các văn bản pháp quy đã được ban hành.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở phải phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương. Do đó cần chú trọng xây dựng các quy ước, dùng quy ước để quản lý đời sống văn hóa ở cơ sở.

Đối với các hoạt động lễ hội, cưới xin, ma chay, sinh nhật, thượng thọ ... cần quản lý bằng các quy ước; cũng như cần có quy ước về xây dựng gia đình văn hóa, quy ước xây dựng làng văn hóa mới...

b) Thực hiện các chính sách về văn hóa

Chính sách về văn hóa thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển văn hóa. Chính sách về văn hóa có ý nghĩa rất to lớn, giúp định hướng, hỗ trợ, khuyến khích phát triển văn hóa trong nền kinh tế thị trường.

Chính sách về văn hóa là sự thể chế hóa các quan điểm, đường lối phát triển văn hóa, nhằm tác động lên các nhóm cộng đồng chính trị và cộng đồng dân cư để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển văn hóa.

Các chính sách văn hóa đòi hỏi phải đáp ứng được mối quan tâm của cả các nhóm cộng đồng dân cư, phân định rõ các mục tiêu và điều chỉnh các hướng ưu tiên. Chính sách văn hóa cần tới sự tăng cường hợp tác với các cơ quan công quyền ở mọi cấp, đặc biệt là với các cơ quan địa phương. Các tổ chức tư nhân và xã hội để vạch kế hoạch hành động thực hiện các chương trình, dự án văn hóa, tạo điều kiện để đáp ứng nhu cầu văn hóa của đông đảo quần chúng nhân dân

Mục tiêu của chính sách văn hóa nhằm thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa, phát triển nền văn hóa dân tộc, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc

Tiếp tục đổi mới cơ chế và nâng cao hiệu quả quản lý, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, thông tin, hình thành thị trường văn hóa lành mạnh.

Một số nội dung chủ yếu trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020:

- Xây dựng con người toàn diện, có đủ phẩm chất về tư tưởng, đạo đức, lối sống và nhân cách văn hóa đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa: là một nhiệm vụ quan trọng, có quan hệ khăng khít với việc xây dựng con người phát triển toàn diện.

- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc. Bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số:

- Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật :

- Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo, tín ngưỡng. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

- Tăng cường công tác thông tin đại chúng. Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động của các hoạt động thông tin đối ngoại.

c) Đầu tư tài chính cho văn hóa

Đầu tư tài chính cho văn hóa có một số nội dung sau:

- Ở tất cả các nước, bất luận là nước giàu hay nước nghèo, có chế độ xã hội khác nhau, nhà nước đều coi việc đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho sự phát triển, đầu tư cho con người. Tăng đầu tư cho phát triển văn hóa đang là xu hướng chung của nhiều nước trên thế giới hiện nay.

Cơ cấu ngân sách Nhà nước đầu tư cho phát triển văn hóa bao gồm:

+ Ngân sách nhà nước cho phát triển giáo dục.

+ Ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ.

+ Ngân sách nhà nước cho phát triển văn hóa, nghệ thuật.

+ Ngân sách nhà nước cho phát triển phát thanh, truyền hình, báo chí...

+ Ngân sách nhà nước cho các hoạt động thể dục - thể thao...

- Xác định các mô hình hoạt động thuộc sự quản lý của ngành văn hóa là một căn cứ để đầu tư ngân sách nhà nước cho văn hóa.

Cần xác định những thể loại hoạt động văn hóa nào có thể hoạt động trên cơ sở thương mại, loại nào không tự thích ứng được hoặc chỉ thích ứng một phần. Mức độ không thích ứng này chính là một trong những căn cứ để Nhà nước đầu tư, hỗ trợ tài chính.

Các hoạt động văn hóa sẽ được phân định theo các mức độ thích ứng với cơ chế thị trường. Có thể chia các hoạt động văn hóa thành 3 nhóm sau: sự nghiệp, sự nghiệp có thu và kinh doanh. Tương ứng với 3 nhóm này Nhà nước có cơ chế đầu tư tài chính thích hợp.

- Nguồn đầu tư cho phát triển văn hóa.

Nguồn đầu tư cho phát triển văn hóa được triển khai theo các hướng sau: nguồn đầu tư từ phía Nhà nước, từ các tổ chức kinh tế - xã hội và tư nhân.

Quan điểm bao cấp toàn bộ cho các hoạt động văn hóa cũng như quan điểm “thả nổi” văn hóa cho thị trường đều là các quan điểm sai lầm, có hại cho sự nghiệp phát triển văn hóa.

d) Kiểm tra, giám sát các hoạt động văn hóa

Tăng cường kiểm tra, giám sát của Nhà nước đối với các hoạt động văn hóa là nhiệm vụ quan trọng của quản lý nhà nước, đặc biệt là hoạt động của các cơ quan kiểm tra, thanh tra. Văn hóa có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng phát triển của mỗi dân tộc, hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân nên Nhà nước không thể buông lỏng việc kiểm tra, giám sát các hoạt động văn hóa. Tình trạng văn hóa phẩm độc hại lan tràn, tệ nạn xã hội phát triển mạnh trong những năm qua lại càng nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước đối với các hoạt động văn hóa.

Phương châm chỉ đạo đối với việc đổi mới cơ chế kiểm tra, giám sát các hoạt động văn hóa là phòng ngừa, ngăn chặn hơn là việc để sự việc xảy ra rồi mới xử lý. Đổi mới cơ chế kiểm tra, giám sát các hoạt động văn hóa cần triển khai theo ba hướng:

- Hoàn thiện và bổ sung các văn bản pháp quy làm cơ sở pháp lý cho các chủ thể sản xuất, kinh doanh, cung ứng dịch vụ văn hóa tự điều chỉnh hành vi cũng như điều chỉnh hành vi từ phía các cơ quan quản lý nhà nước.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ thanh tra, giám sát về văn hóa từ Trung ương đến cơ sở. Việc củng cố và kiện toàn này bao gồm cả ba khía cạnh: số lượng, chất lượng và trang bị kỹ thuật cho công tác kiểm tra, giám sát. Hiện nay đội ngũ này còn thiếu nhiều về số lượng, yếu về trình độ và trang bị kỹ thuật lạc hậu.

- Tổ chức và sắp xếp lại các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cũng như các đơn vị sản xuất và cung ứng dịch vụ văn hóa, đặc biệt đối với các đơn vị giữ vai trò chủ đạo do Nhà nước quản lý.

3. Tổ chức bộ máy quản lý văn hóa

Theo Nghị định 185/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ thì Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch trong cả nước. Lĩnh vực quản lý nhà nước về văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có các nhiệm vụ sau:

- Định hướng nội dung các hoạt động về văn hóa cho các tổ chức và công dân theo đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Xây dựng các chính sách nhằm bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa thế giới, khuyến khích những tài năng sáng tạo, phổ biến những giá trị văn hóa, nghệ thuật, khoa học, nâng cao trình độ thẩm mỹ và trình độ hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các tài năng văn hóa nghệ thuật, trực tiếp quản lý các trường đại học, cao đẳng và trung học về văn hóa nghệ thuật theo quy định của Chính phủ.

- Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động báo chí, xuất bản, quảng cáo, cơ sở sản xuất băng đĩa âm thanh, đĩa hình, băng hình, khai quật khảo cổ, cấp giấy phép xuất nhập khẩu sách báo, phim ảnh và các tác phẩm văn hóa nghệ thuật khác, cấp, thu hồi thẻ nhà báo.

- Quyết định cho phổ biến các xuất bản phẩm, văn hóa phẩm, phim nhựa, đĩa hình, đĩa tiếng và băng hình, băng tiếng sản xuất trong nước và nhập khẩu. Xét duyệt, công nhận các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy các xuất bản phẩm, văn hóa phẩm hoạt động trái pháp luật.

- Tổ chức, hướng dẫn việc sưu tầm, bảo quản, lưu giữ và phát huy những di sản văn hóa của các dân tộc trong cả nước.

- Hướng dẫn, chỉ đạo và quản lý việc xây dựng nếp sống văn hóa, các lễ hội, tổ chức vui chơi giải trí, hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật điện ảnh, báo chí, thông tin cổ động, hội chợ, triển lãm, ngày hội văn hóa các dân tộc Việt Nam.

- Trực tiếp tổ chức và quản lý một số hoạt động văn hóa thông tin mang tính chất quốc gia. Phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại theo quy định của Chính phủ. Trực tiếp chỉ đạo các hoạt động văn hóa, thông tin của Việt Nam liên quan với nước ngoài và quản lý nhà nước các hoạt động văn hóa, thông tin của nước ngoài tại Việt Nam. Tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định cho các tổ chức, cá nhân trong nước liên doanh và hợp tác với nước ngoài về các lĩnh vực văn hóa, thông tin theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Bộ Ngoại giao trong việc tuyển chọn và bổ nhiệm tùy viên văn hóa tại các Sứ quán Việt Nam ở nước ngoài.

- Tổ chức chỉ đạo công tác thanh tra chuyên ngành về các hoạt động văn hóa, thông tin trong cả nước.

Để giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có các vụ, cục chức năng sau: Vụ Thư viện; Vụ Văn hóa dân tộc; Cục Di sản văn hóa; Cục Nghệ thuật biểu diễn; Cục Điện ảnh; Cục Văn hóa cơ sở; Cục Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm...

Hiện nay Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn có 51 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa (trường học, viện nghiên cứu, nhà hát, thư viện, bảo tàng, triển lãm, báo, nhà văn hóa...) và một số doanh nghiệp văn hóa.

Chính quyền địa phương với cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa (Sở Văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Văn hóa quận, Ban Văn hóa xã, phường) có chức năng quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn theo sự phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương. Các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa này trực thuộc sự quản lý của UBND cùng cấp đồng thời chịu sự chỉ đạo về mặt chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Sở Văn hóa cũng trực tiếp quản lý một số đơn vị sự nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh.

II. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Khái quát hệ thống giáo dục và đào tạo ở Việt Nam

a) Khái quát hệ thống giáo dục quốc dân

Hiện nay, hệ thống giáo dục - đào tạo ở Việt Nam gồm các bậc học và các loại hình giáo dục sau đây:

**** Giáo dục mầm non***

- Nhà trẻ: không bắt buộc, tối thiểu là 3 tháng tuổi, thời gian tối đa là 3 năm.
- Mẫu giáo: không bắt buộc, tối thiểu từ 3 tuổi; thời gian tối đa là 3 năm.

**** Giáo dục phổ thông***

- Tiểu học: bắt buộc, tuổi vào học chính thức là 6, thời gian là 5 năm.
- Trung học cơ sở: 4 năm.
- Phổ thông trung học: 3 năm.

**** Giáo dục đào tạo, dạy nghề và chuyên nghiệp***

- Đào tạo nghề: 0,5 đến 2 năm.

- Trung học nghề: 3 đến 4 năm.
- Trung học chuyên nghiệp: 2,5 đến 4 năm.
- * *Giáo dục cao đẳng, đại học và sau đại học*

- Cao đẳng: 3 năm.
- Đại học: 4 đến 6 năm.
- Sau đại học (cao học, tiến sĩ).

Hệ thống giáo dục - đào tạo này về cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân trong cả nước.

b) Thành tựu đạt được

Có thể khẳng định, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thể hiện ở những mặt cơ bản sau:

- Quy mô của giáo dục - đào tạo lớn và ngày càng phát triển; số lượng học sinh, sinh viên mỗi năm đều tăng từ 1,8 triệu đến 2 triệu người.

- Đến năm 2010, tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Việt Nam có một mạng lưới giáo dục phát triển rộng khắp toàn quốc, từ thành thị đến nông thôn, miền núi, hải đảo. Điều đó đã tạo cơ hội cho con em các gia đình ở khắp các miền được đến trường và do đó tạo ra sự bình đẳng, công bằng trong giáo dục.

- Có sự thống nhất trong cả nước về chương trình và nội dung giảng dạy, về sách giáo khoa của từng cấp học; đặc biệt là việc dùng tiếng Việt trong giảng dạy, học tập, kể cả viết luận án thạc sĩ và tiến sĩ khoa học.

- Các hình thức tổ chức trong giáo dục - đào tạo cũng ngày càng đa dạng và mở rộng hơn (trường công lập, trường bán công, trường tư thục, trường dân lập).

- Các hình thức giáo dục - đào tạo có nhiều loại: chính quy, tại chức, giáo dục thường xuyên, giáo dục từ xa với sự hợp tác đặc lực của các phương tiện truyền thông: phát thanh và vô tuyến truyền hình; các lớp học buổi tối theo yêu cầu của người học (ngoại ngữ, tin học, kế toán, quản trị doanh nghiệp...).

- Có một đội ngũ đông đảo giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý ở các cấp học rất tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

- Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo tăng đáng kể, đạt trên 20% tổng chi ngân sách;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng, năm 2010 đạt 40% tổng số lao động đang làm việc

c) Những thách thức trong thời kỳ mới đối với giáo dục - đào tạo

Đứng trước nhu cầu của thời kỳ mới về nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giáo dục - đào tạo đang phải vượt qua những thách thức, khắc phục những tồn tại, yếu kém:

- Giáo dục - đào tạo còn tồn tại nhiều bất cập về cơ cấu và chất lượng đào tạo. Chất lượng của giáo dục - đào tạo còn chưa đáp ứng được yêu cầu, kết quả đạt thấp, nhất là về kiến thức, kỹ năng, phương pháp tư duy trong khoa học. Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao vẫn còn hạn chế; chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của xã hội, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Cơ cấu đào tạo và sử dụng sau đào tạo còn có khoảng cách lớn, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế thế giới.

- Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng số lượng, quy mô với nâng cao chất lượng, giữa dạy chữ và dạy người. Cơ cấu giáo dục không hợp lý giữa các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo.

- Có một bộ phận học sinh, sinh viên lười học, suy thoái về đạo đức, lối sống, khi thi cử tìm cách quay cóp, xin điểm, mua điểm...

- Các tệ nạn xã hội thâm nhập vào học đường ngày càng nhiều.

- Đội ngũ giáo viên thiếu về số lượng, yếu về chất lượng.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật của giáo dục - đào tạo bị xuống cấp, nhất là ở các tỉnh miền núi.

- Quản lý nhà nước về giáo dục còn bất cập. Xu hướng thương mại hoá và sa sút đạo đức trong giáo dục khắc phục còn chậm, hiệu quả thấp, đang trở thành nỗi bức xúc của xã hội.

2. Chủ trương, chính sách và mục tiêu của Nhà nước về giáo dục - đào tạo

a) Quan điểm cơ bản

- Chăm lo cho giáo dục - đào tạo là chăm lo cho con người và cho xã hội phát triển.

- Giữ vững mục tiêu giáo dục XHCN, phát huy những mặt tích cực của một nền giáo dục - đào tạo tiên bộ, công bằng cho mọi người trong xã hội, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế kinh tế thị trường tác động vào hoạt động giáo dục - đào tạo.

- Coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu của Nhà nước, bởi vì thiếu nguồn nhân lực do giáo dục - đào tạo cung cấp thì không có quốc gia nào có thể tiến triển được.

- Giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân.

- Phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiên bộ của khoa học, công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện sự công bằng xã hội trong giáo dục - đào tạo.

- Giữ vững vai trò nòng cốt của các trường công lập song song với đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011- 2020 nhấn mạnh:

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp, bậc học.

- Nhà nước tăng đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục.

b) Chủ trương, chính sách phát triển giáo dục - đào tạo đối với bậc học, cấp học

Trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2010-2020, Đảng ta đã nhấn mạnh:

Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế. Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các bậc học. Cụ thể ở các bậc học như sau:

- Về giáo dục phổ thông:

Giáo dục phổ thông cần tạo điều kiện cho từng cá nhân phát triển tối đa khả năng của mình, thỏa mãn nhu cầu cơ bản về học tập của mỗi người. Thực hiện xóa mù chữ và phổ cập tiểu học. Trong hệ thống trường phổ thông cần gắn học văn hóa với học nghề. Việc giảng dạy theo hướng tinh gọn, hiện đại, tránh quá tải, đồng thời nâng cao kỹ năng thực hành, thực hiện từng bước phân luồng học sinh một cách hợp lý sau các cấp học.

Sau năm 2015 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt là việc nâng cao năng lực và đổi mới phương pháp dạy ngoại ngữ của giáo viên ở bậc phổ thông.

Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng khó khăn, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; mở rộng các phương thức đào tạo từ xa và hệ thống các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên

- Về giáo dục đại học và sau đại học:

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng dạy nghề và giáo dục chuyên nghiệp. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch và thực hiện quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng và dạy nghề trong cả nước

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, bảo đảm cơ chế tự chủ gắn với nâng cao trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Cần nhanh chóng đổi mới phương pháp dạy và học để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Muốn vậy, phải tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường, đồng thời có chính sách tiền lương thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên làm việc trong ngành giáo dục đại học. Trong đào tạo đại học cần ưu tiên cho một số ngành mũi nhọn: điện, điện tử, công nghệ sinh học, các công nghệ mới... Đồng thời cần đào tạo một đội ngũ các nhà quản lý, kinh doanh giỏi đáp ứng với nền kinh tế mở cửa, hội nhập.

- Về đào tạo nghề:

Đào tạo nghề có vị trí quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực của đất nước. Vì thế phải mở rộng quy mô đào tạo nghề, đồng thời đáp ứng nhu cầu thay đổi nghề để thích ứng với công nghệ mới và nhu cầu của thị trường lao động. Nhiệm vụ đào tạo nghề cho thanh niên đang là một đòi hỏi rất cấp bách

hiện nay, vì thế cần phát triển nhiều hình thức dạy nghề khác nhau, đồng thời hình thành một mạng lưới trường dạy nghề rộng khắp trong cả nước.

c) Mục tiêu của Nhà nước về giáo dục - đào tạo

Mục tiêu tổng quát đến năm 2020, nền giáo dục được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện.

Mục tiêu cụ thể:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2015.

- Đối với giáo dục phổ thông, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học là 99%, trung học cơ sở là 95% và 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương; có 70% trẻ em khuyết tật được đi học.

- Đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, sẽ điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, phấn đấu đến 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp và đại học đạt khoảng 70%; tỷ lệ sinh viên tốt cả các hệ đào tạo trên một vạn dân vào khoảng 350 - 400.- Phấn đấu để sớm có một số cơ sở đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Đến 2020 có 25% giảng viên đại học và 8% giảng viên cao đẳng là tiến sĩ

- Giáo dục toàn diện ở tất cả các bậc học (đức, trí, thể, mỹ). Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp.

Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại đội ngũ nhà giáo để đến năm 2020, 100% giáo viên mầm non và phổ thông đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó 60% giáo viên mầm non, 10% giáo viên tiểu học, 88% giáo viên trung học cơ sở và 16,6% giáo viên trung học phổ thông đạt trình độ đào tạo trên chuẩn; 38,5% giáo viên trung cấp chuyên nghiệp, 60% giảng viên cao đẳng và 100% giảng viên đại học đạt trình độ thạc sĩ trở lên; 100% giảng viên đại học và cao đẳng sử dụng thành thạo một ngoại ngữ.

- Tiêu chuẩn hóa và hiện đại hóa các điều kiện dạy và học.

- Đề cao trách nhiệm của gia đình và xã hội phối hợp chặt chẽ với nhà

trường trong giáo dục thể hệ trẻ.

- Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, đào tạo trên tinh thần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục, đào tạo trên cả ba phương diện: động viên các nguồn lực trong xã hội; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để người dân được học tập suốt đời.

Để đạt được các mục tiêu chiến lược cần thực hiện tốt 8 giải pháp, trong đó các giải pháp đổi mới quản lý giáo dục là giải pháp đột phá và giải pháp phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là giải pháp then chốt.

3. Một số nội dung chủ yếu quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo

Hoạt động quản lý nhà nước đối với giáo dục đào tạo bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a) Xây dựng, ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục - đào tạo

Luật Giáo dục năm 2005 và Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2009 và các văn bản pháp luật được Quốc hội và Chính phủ ban hành trong những năm gần đây đã đặt cơ sở pháp lý cho hoạt động dạy và học của các cấp học, nhằm thúc đẩy sự nghiệp giáo dục - đào tạo ở nước ta trong thời kỳ mới. Luật Giáo dục và các văn bản này quy định:

- Cơ cấu khung của hệ thống giáo dục: bậc học, thời gian đào tạo, tuổi chuẩn vào lớp đầu từng cấp học, điều kiện học lực, văn bằng tốt nghiệp...

- Quy định mạng lưới các trường, danh mục các ngành nghề đào tạo, mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo.

- Ban hành quy chế tuyển sinh, quản lý học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh.

- Ban hành tiêu chuẩn và phong các chức danh, học vị, học hàm cho các thầy giáo, cô giáo; đồng thời quy định tiền lương và các loại phụ cấp cho giáo dục, đào tạo.

- Ban hành các định mức về trang thiết bị và cơ sở vật chất của các trường.

- Xét duyệt và cho phép in, phát hành sách giáo khoa và các ấn phẩm giáo dục - đào tạo.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục - đào tạo; lập các dự án phát triển; đầu tư cho giáo dục - đào tạo

- Hoạch định và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo.

Để thực hiện có hiệu quả các phương hướng, chủ trương của Nhà nước, cần phải có các chương trình, kế hoạch. Hiện nay, Chính phủ đang triển khai một số chương trình, kế hoạch sau:

- Chương trình cải cách giáo dục.
- Chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- Chương trình giáo dục miền núi.
- Kế hoạch sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ...
- Lập các dự án phát triển giáo dục đào tạo.

Các dự án phát triển giáo dục - đào tạo đòi hỏi phải dự báo tình hình phát triển của dân số và số người đến tuổi đi học ở từng cấp học, từng thời kỳ đối với từng địa phương.

Dự báo nhu cầu về nhân lực cho phát triển kinh tế (số lượng, cơ cấu, trình độ chuyên môn cho từng ngành, từng lĩnh vực).

Khi lập dự án cụ thể cho từng cấp học cần tính toán:

- + Số lượng học sinh mới tăng thêm cần phải đáp ứng nhu cầu học tập.
- + Số phòng học cần xây dựng (cho từng năm học).
- + Số giáo viên cần tăng thêm (cho từng năm học).
- + Tiền lương cần trả cho số giáo viên mới tăng thêm (từng năm học).
- + Kinh phí xây dựng, trang thiết bị cho mỗi phòng học.
- Đầu tư cho giáo dục - đào tạo.

Muốn phát triển giáo dục đào tạo cần nhiều yếu tố, trong đó có vốn đầu tư. Ngân sách quốc gia là nguồn cung cấp tài chính lớn nhất cho giáo dục - đào tạo. Đồng thời, Nhà nước chủ trương huy động thêm các nguồn lực khác, như nguồn lực trong dân, viện trợ quốc tế, vay vốn nước ngoài để phát triển giáo dục - đào tạo.

c) Thanh tra, kiểm tra các hoạt động về giáo dục - đào tạo

- Mục đích: Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kỷ cương, luật pháp trong hoạt động giáo dục - đào tạo.

- Bộ máy thanh tra, kiểm tra: Thanh tra giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thanh tra giáo dục trực thuộc các Sở giáo dục và Thanh tra giáo dục ở các phòng giáo dục các quận, huyện.

Những hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, đồng thời bảo vệ lợi ích của người đi học và của các cơ sở giáo dục - đào tạo.

III. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ Y TẾ

1. Quan điểm cơ bản, mục tiêu, chính sách của nhà nước về y tế

a) Quan điểm cơ bản

- Đầu tư cho y tế là một đầu tư phát triển. Nhà nước đảm bảo đầu tư cho y tế khoảng 50% trong tổng chi y tế. Thực hiện Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Tăng mức đầu tư từ Ngân sách, đồng thời ra sức vận động tăng thu hút các nguồn lực xã hội, bao gồm tư nhân, phi lợi nhuận, thiện nguyện, cả trong và ngoài nước.

- Nhà nước chủ trương phải phấn đấu để mọi người đều được chăm sóc sức khỏe vì sức khỏe là vốn quý nhất của con người và của xã hội.

- Tích cực, chủ động phòng bệnh, rèn luyện thân thể, phòng bệnh hơn chữa bệnh.

- Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền để phòng, chữa bệnh cho nhân dân.

- Chăm sóc sức khỏe trước hết là trách nhiệm của từng người dân, sau đó là trách nhiệm của cả cộng đồng, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt.

b) Các mục tiêu

- *Mục tiêu tổng quát:*

Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xây dựng và thực hiện chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam. Con người là trung tâm của mọi chính sách, chế độ. Ngành y tế bảo đảm chăm sóc sức khỏe nhân dân ngang tầm tiên tiến khu vực (top 3), và quốc tế (top 20).

+ Tập trung phát triển mạnh hệ thống chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Tiếp tục tăng đầu tư đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển nhanh hệ thống y tế công lập và ngoài công lập; hoàn chỉnh mô hình tổ chức và củng cố mạng lưới y tế cơ sở.

+ Giảm tỷ lệ mắc bệnh trong nhân dân.

+ Tăng tuổi thọ, làm cho tuổi thọ bình quân đạt 72 tuổi vào năm 2020.

+ Nâng cao thể lực, làm cho giống nòi ngày càng tốt hơn.

+ Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, duy trì mức sinh thay thế, bảo đảm cân bằng giới tính hợp lý, nâng cao chất lượng dân số

- *Mục tiêu cụ thể:*

+ Bảo đảm nguồn lực cho Y tế dự phòng không ít hơn 30% tổng nguồn lực.

+ Phát triển y tế công nghệ cao, tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và quốc tế. Đến 2015, tất cả các tỉnh đều có Bệnh viện Y học cổ truyền.

+ Thu hẹp khoảng cách chênh lệch hưởng thụ dịch vụ Y tế giữa các vùng miền, nhóm dân cư.

+ Triển khai mạnh mẽ thực hiện Luật Bảo hiểm Y tế.

+ Coi trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực Y tế, vừa có mũi nhọn chất lượng cao, vừa đáp ứng nhu cầu phổ cập. Phân đầu vào tập 500 Đại học quốc tế: đến 2015 có ít nhất 1 Đại học Y - Dược; đến 2020 có ít nhất 2 Đại học Y - Dược. Bác sĩ làm việc tại xã: năm 2015 phủ được 80%; năm 2020 phủ khắp 100%.

+ Nâng cao năng lực toàn diện, cả vĩ mô và vi mô. Hoàn thiện pháp luật, chính sách, bảo đảm nhà nước quản lý..

+ Xây dựng một số cơ sở khám, chữa bệnh có tầm cỡ khu vực.

+ Khắc phục tình trạng quá tải ở các bệnh viện, đặc biệt là bệnh viện tuyến Trung ương và tuyến tỉnh.

+ Khuyến khích các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế thành lập các cơ sở y tế chuyên khoa có chất lượng cao.

+ Khắc phục về cơ bản các bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng.

+ Đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao.

c) Một số chủ trương, chính sách Nhà nước về y tế

- Chính sách bảo hiểm y tế

Bảo hiểm y tế là một chính sách xã hội do Nhà nước tổ chức thực hiện, nhằm huy động sự đóng góp của người sử dụng lao động, người lao động, các tổ chức và cá nhân để thanh toán chi phí khám chữa bệnh theo quy định của điều lệ Bảo hiểm y tế cho người có thẻ bảo hiểm y tế khi ốm đau.

Theo Điều lệ bảo hiểm y tế ngày 13/8/1998, Bảo hiểm y tế bắt buộc áp dụng đối với 5 đối tượng; Bảo hiểm y tế tự nguyện được áp dụng đối với mọi đối tượng có nhu cầu tham gia Bảo hiểm y tế.

- Chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam

Chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam (Nghị quyết 37/CP ngày 20/6/1996 của Chính phủ) nhằm mục tiêu cung ứng thường xuyên và đủ thuốc có chất lượng đến người tiêu dùng và bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, có hiệu quả.

Những mục tiêu cụ thể của chính sách là:

+ Bảo đảm cung ứng đủ thuốc có chất lượng giá cả phù hợp. Thực hiện sự công bằng trong cung ứng thuốc cho người bệnh.

+ Phát triển và hoàn thiện mạng lưới cung ứng thuốc, chú trọng những vùng khó khăn: miền núi, vùng sâu, vùng xa.

+ Nâng cao hiệu lực công tác quản lý Nhà nước về dược trên cơ sở hệ thống pháp luật về quản lý dược.

+ Tổ chức lại ngành dược phù hợp với cơ chế quản lý mới.

+ Phát triển nguồn nhân lực dược về số lượng, cơ cấu, trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp.

+ Nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào sản xuất, cung ứng và quản lý.

+ Hợp tác quốc tế, hợp tác liên ngành, liên doanh trong lĩnh vực dược.

- Kế hoạch hoạt động quốc gia về dinh dưỡng.

Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch hoạt động quốc gia về dinh dưỡng với những mục tiêu thanh toán tình trạng thiếu ăn, đưa mức bình quân đầu người từ 1.932 K calories hiện nay lên trên 2.100 K calories.

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng: đối với người lớn giảm tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn, đặc biệt ở phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ từ trên 40% hiện nay xuống dưới 20%.

Đối với trẻ em, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, thiếu protein năng lượng ở trẻ dưới 5 tuổi (theo chỉ số cân/tuổi) từ 45% xuống dưới 20%.

+ Giảm tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng: cơ bản thanh toán các biểu hiện lâm sàng thiếu Vitamin A và các hậu quả của nó, kể cả mù lòa; cơ bản thanh toán các rối loạn do thiếu iốt; giảm tỷ lệ thiếu máu dinh dưỡng ở phụ nữ mang thai từ 50% hiện nay xuống dưới 30% ở những địa phương có triển khai chương trình phòng chống thiếu máu.

2. Một số nội dung chủ yếu quản lý nhà nước về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

a) Ban hành và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật về y tế

Ban hành và thực thi các văn bản pháp luật về y tế có liên quan đến khám, chữa bệnh; hành nghề y tế và kinh doanh thuốc; bảo vệ sức khỏe và môi trường; kiểm dịch y tế...

Luật và các văn bản luật pháp của Nhà nước là cơ sở về pháp lý để chính quyền các cấp quản lý đối với các hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe ở địa phương cũng như trong cả nước. Để các văn bản luật đi vào thực tế đòi hỏi phải có sự hướng dẫn, giải thích, phổ biến, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm.

b) Hoạch định và chỉ đạo triển khai các chương trình bảo vệ sức khỏe

Hiện nay, Chính phủ đề ra 07 chương trình trọng điểm trong ngành y tế. Muốn cho các chương trình trọng điểm đó đạt được kết quả theo các mục tiêu đã đề ra, cần:

+ Sự lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể của các cấp chính quyền và sự phối hợp tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

+ Tăng cường và hoàn thiện bộ máy quản lý và khám chữa bệnh ở địa phương và Trung ương để thực hiện các chương trình.

+ Đầu tư, cấp phát đủ kinh phí và sử dụng đúng mục đích kinh phí của các chương trình bảo vệ sức khỏe.

c) Đầu tư cho y tế

Đất nước ta đang phải đương đầu với nhiều vấn đề khó khăn mà các nước phát triển không gặp như: suy dinh dưỡng, tỷ lệ chết của trẻ em sơ sinh, sốt rét, lao, bứu cổ, bệnh phong v.v... Mọi hoạt động của ngành y tế đều cần đến đầu tư, từ nâng cấp các bệnh viện, mua sắm trang thiết bị đến mua sắm các dây chuyền công nghệ mới để sản xuất thuốc v.v... Những năm gần đây, Nhà nước đã chú trọng đầu tư cho ngành Y tế, mức đầu tư liên tục tăng theo từng năm. Tuy nhiên, ngân sách nhà nước còn rất hạn hẹp, vì vậy để có thể đầu tư cho y tế nhiều hơn cần đa dạng hóa các loại hình đầu tư (nhà nước, tư nhân, nước ngoài).

d) Thanh tra, kiểm tra các hoạt động về y tế

Để nâng cao chất lượng hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe của người dân tốt hơn, Nhà nước rất cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động về y tế.

Công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động về y tế cần được tiến hành thường xuyên hơn, bộ máy kiểm tra, thanh tra cần được củng cố, đặc biệt cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng thuốc; sử dụng các chất độc hại trong sản xuất, bảo quản rau, hoa quả, thực phẩm; chấn chỉnh thái độ phục vụ của những y, bác sĩ trong quá trình khám, chữa bệnh.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Trình bày chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa? Nêu các nội dung quản lý nhà nước về văn hóa?

2. Trình bày chủ trương, chính sách và mục tiêu của Nhà nước về giáo dục - đào tạo đối với các cấp học? Trình bày một số nội dung quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo? Theo anh/chị để nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo hiện nay Nhà nước cần phải làm gì?

3. Trình bày quan điểm, mục tiêu, chính sách của Nhà nước về y tế? Trong các nội dung quản lý nhà nước về y tế, nội dung nào là nội dung quan trọng nhất hiện nay ở nước ta?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, XI. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2011.
2. Luật Giáo dục 2005; Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2009.
3. Luật Khám chữa bệnh năm 2009.
4. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2010-2020.
5. Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020.
6. Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020.
7. Định hướng chiến lược y tế 2010 - 2030.
8. Học viện Hành chính. Giáo trình Quản lý nhà nước về Văn hóa - Giáo dục - Y tế. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 2011.